

Bản án số: 556/2017/HNGĐ-ST
Ngày 19/9/2017
Về “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Xuân
2. Ông Khưu Hán Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quốc Thiên Hương - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 11.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 171/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà La Ngọc M, sinh năm: 1981; địa chỉ: đường XD, Phường T, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh; xin vắng mặt;

2. *Bị đơn:* Ông Lê Trường H, sinh năm: 1982; địa chỉ: đường XD, Phường T, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải nguyên đơn trình bày:

Bà La Ngọc M và ông Lê Trường H tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Lê Gia A, sinh ngày 03/7/2011 và Lê Duy L, sinh ngày 21/9/2013.

Trong quá trình chung sống, bà M và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống không phù hợp. Ông H thường xuyên rượu chè, không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thậm chí đánh nhau và đã được chính quyền địa phương can thiệp. Hiện nay bà M cảm thấy không còn tình cảm với ông H, mâu thuẫn giữa hai bên dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, hai người sống ly thân đã lâu. Bà M đề nghị Tòa án xem

xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông H để mỗi người sớm có cuộc sống ổn định.

Về con chung: Bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là trẻ Lê Gia A, sinh ngày 03/7/2011 và Lê Duy L, sinh ngày 21/9/2013; bà M không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 14/4/2017, bị đơn trình bày:

Ông H và bà La Ngọc M chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và 02 con chung đúng như bà M đã trình bày.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong công việc cũng như trong đời sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, hiện nay ông H và bà M đang sống ly thân. Ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên ông đồng ý ly hôn với bà M.

Về con chung: Ông H yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Lê Duy L, sinh ngày 21/9/2013, bà M sẽ nuôi dưỡng trẻ Lê Gia A, sinh ngày 03/7/2011, ông H sẽ cấp dưỡng nuôi trẻ A mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Căn nhà đường ĐC, Phường C, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của vợ chồng được mua với giá 2.050.000.000 đồng, trong đó gia đình bà M cho 1.100.000.000 đồng, mượn thêm của chị bà M số tiền 400.000.000 đồng, còn lại 750.000.000 đồng là do hai vợ chồng bù vào để mua. Ông yêu cầu phân chia tài sản chung, số tiền sau khi phân chia tài sản sẽ được để lại cho hai người con chung của ông và bà M.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 trình bày:

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Trong suốt quá trình chung sống bà M, ông H thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm và bất đồng quan điểm sống. Nay bà M xin ly hôn, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu của bà M có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M; giao hai trẻ Lê Gia A, sinh ngày 03/7/2011 và Lê Duy L, sinh ngày 21/9/2013 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng; đình chỉ yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con do bà M rút yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung các đương sự không có yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe kiểm sát viên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà La Ngọc M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Trường H; ông H hiện đang cư trú trên địa bàn Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân

sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 11 đã tiến hành tổng đạt, triệu tập họp lệ ông Lê Trường H tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 21/4/2017; tham gia phiên hòa giải ngày 26/5/2017; tham gia phiên tòa ngày 29/8/2017 và ngày 19/9/2017 nhưng ông H vắng mặt. Ngày 16/9/2017, bà M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn, nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân :

Bà La Ngọc M và ông Lê Trường H tự nguyện kết hôn vào năm 2011, có thực hiện việc đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 40/2011, quyển số 01/2011, ngày 12/5/2011. Quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông H là hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Bà M và ông H chung sống có 02 con chung tên Lê Gia A, sinh ngày 03/7/2011 và Lê Duy L, sinh ngày 21/9/2013.

Mâu thuẫn giữa bà M và ông H phát sinh từ năm 2014, nguyên nhân do bất đồng về nhiều mặt, tính tình cả hai không hòa hợp, quan điểm sống không phù hợp. Từ mâu thuẫn đã nêu dẫn đến việc bà M và ông H thường xuyên xảy ra chuyện cãi vã và hai người sống ly thân với nhau.

Tại buổi hòa giải ngày 14/4/2017, bà M và ông H cùng xác định mâu thuẫn vợ chồng như đã nêu trên, đồng thời cả hai đồng ý ly hôn. Qua sự việc đã nêu thể hiện tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M.

- Về con chung: Bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ Lê Gia A và Lê Duy L, bà M không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Ông H cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng trẻ Lê Duy L, giao bà M nuôi dưỡng trẻ Lê Gia A và ông H sẽ cấp dưỡng nuôi trẻ A mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Hai trẻ An và Lộc hiện sống chung và được bà M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Bà M có chỗ ở và công việc ổn định nên có đủ điều kiện để nuôi con. Ông H đề nghị được trực tiếp nuôi trẻ Lộc và cấp dưỡng cho trẻ An tại buổi hòa giải ngày 14/4/2017. Tuy nhiên, sau đó ông H không đến Tòa dù đã được triệu tập họp lệ nhiều lần; đồng thời, ông H cũng không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ thể hiện điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Lộc. Do đó, Hội đồng xét xử xét giao trẻ Lê Gia A và Lê Duy L cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho hai trẻ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ngày 21/4/2017 bà M có đơn xin rút yêu cầu về việc yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; xét việc bà M rút yêu cầu là hoàn toàn tự

nguyên, phù hợp với quy định của pháp luật Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

4. Về tài sản chung: Bà M xác định bà và ông H không có tài sản chung. Ông H cho rằng căn nhà đường DC, Phường C, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của vợ chồng, ông yêu cầu phân chia tài sản chung, số tiền sau khi phân chia tài sản sẽ được để lại cho hai người con chung của ông và bà M.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông H, tại buổi hòa giải ngày 14/4/2017, Tòa án đã giải thích cho bà M và ông H về việc tranh chấp tài sản chung của vợ chồng, đồng thời Tòa án yêu cầu các đương sự cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến tài sản có tranh chấp vào ngày 21/4/2017. Tuy nhiên, ông H đã không có mặt và cũng không giao nộp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông; vì vậy không có cơ sở xem xét.

5. Về nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Án phí về hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, bà M phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà La Ngọc M.

2. Bà La Ngọc M được ly hôn với ông Lê Trường H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 40/2011, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/5/2011 không còn giá trị.

3. Đình chỉ yêu cầu của bà La Ngọc M về việc yêu cầu ông Lê Trường H cấp dưỡng nuôi con.

4. Về con chung: Bà La Ngọc M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Lê Gia A, sinh ngày 03/7/2011 và Lê Duy L, sinh ngày 21/9/2013.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

5. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí: Bà La Ngọc M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do bà M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AG/2014/0003979 ngày 04/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11. Bà M đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

7. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

8. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

9. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- UBND Phường 8, Quận 11, TP.HCM;
- Lưu: VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ánh Loan